TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 10-3-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trường

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Minh Lý

Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Lưu Kim Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 389/2022/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 1983; nơi cư trú: Tổ d, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1980; nơi đăng ký hộ khẩu: Tổ d, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Đường D, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI D VỤ ÁN:

Nguyên đơn – Chị Nguyễn Thị Thùy D trình bày: Chị D và anh T là vợ chồng, có đăng ký kết hôn ngày 30/12/2005 tại Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk là hôn nhân tự nguyện. Quá trình chung sống, chị D và anh T có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Dung N, sinh ngày 11/7/2006 và Nguyễn Thị Thanh N1, sinh ngày 08/01/2016. Sau khi kết hôn, chị D và anh T sống hạnh phúc, một thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là do

bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau; từ năm 2019 đến nay vợ chồng không còn chung sống với nhau nữa.

Nay, chị D thấy vợ chồng không còn tình cảm với nhau nữa, nên khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh T; về con chung: Chị D yêu cầu được nuôi cả cháu N và cháu N1 và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn – Anh Nguyễn Thanh T đã được Tòa án tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; triệu tập tham gia hòa giải, tham gia phiên họp và tham gia phiên tòa hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, không tham gia tố tụng và không gửi văn bản giải trình về vụ kiện cho Tòa án.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi xét xử. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định pháp luật; bị đơn không chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Chị D và anh T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp; chị D và anh T phát sinh mâu thuẫn từ năm 2019 đến nay, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không còn quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng không còn; do mâu thuẫn vợ chồng của chị D và anh T đã trầm trọng, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị D; về con chung: Cháu N và cháu N1 hiện nay đang sống cùng chị D, do anh T không đến Tòa án làm việc và không có ý kiến về việc nuôi con, nên đề nghị giao cháu N và cháu N1 cho chị D nuôi dưỡng, chăm sóc. Về tài sản chung, nợ chung, cấp dưỡng nuôi con: Do nguyên đơn không có yêu cầu nên không đề nghị giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Thanh T hiện đang cư trú tại: Đường D, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một; anh T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhiều lần, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; chị Nguyễn Thị Thùy D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung: Chị D và anh T chung sống với nhau từ năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Quá

trình chung sống, do hai bên bất đồng về quan điểm sống nên dẫn đến mâu thuẫn, mất lòng tin với nhau; vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, tình cảm vợ chồng không còn; từ năm 2019 đến nay, chị D và anh T đã sống ly thân với nhau.

[3] Do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị D yêu cầu được ly hôn với anh T là đúng quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D.

[4] Về con chung: Chị D và anh T có 02 người con chung tên Nguyễn Thị N, sinh ngày 11/7/2006 và Nguyễn Thị Thanh N1, sinh ngày 08/01/2016; sau khi ly hôn, chị D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả 02 người con chung; quá trình giải quyết vụ án, anh T không đến Tòa án làm việc, không có kiến về việc nuôi con. Xét thấy, cháu N và cháu N1 hiện đang ở với mẹ và là nữ nên việc chăm sóc, giáo dục của chị D sẽ tốt hơn cho sự phát triển bình thường của các cháu, nên cần giao cháu cháu N và cháu N1 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung; do chị D không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Do các bên đương sự không có yêu cầu tranh chấp nên không giải quyết.

[6] Từ những phân tích, nhận định nêu trên, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

[7] Ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn và giao cả 02 người con chung cho chị D nuôi dưỡng là phù hợp với pháp luật.

[8] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; khoản 1 Điều 238; Điều 266 và Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9; Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy D đối với bị đơn anh Nguyễn Thanh T về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con";

Chị Nguyễn Thị Thùy D được ly hôn anh Nguyễn Thanh T.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 29 ngày 30/12/2005 do Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk cấp cho chị Nguyễn Thị Thùy D và anh Nguyễn Thanh T không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Dung N, sinh ngày 11/7/2006 và Nguyễn Thị Thanh N1, sinh ngày 08/01/2016 cho chị Nguyễn Thị Thùy D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh Nguyễn Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Thanh T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở anh T thực hiện quyền này; trường hợp, anh T lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của chị D thì chị D có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh T.

Sau này, vì lợi ích hợp pháp của cháu N và cháu N1, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng khi có yêu cầu.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu tranh chấp nên không giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thùy D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0000222 ngày 13 tháng 10 năm 2022 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS TP. Thủ Dầu Một;
- UBND thị trấn K;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Trường